

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 23-5-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Cúc.

Ông Hoàng Ngọc Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997.

ĐKHKTT: Khóm phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

Chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã M, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Thi H, sinh năm 1989.

ĐKHKTT: Khóm phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam N. Địa chỉ: Thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Lê Thi H vào năm 2017, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND

thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ đầu năm 2020 chị Nguyễn Thị L đã bỏ về nhà ngoại tại tỉnh Nghệ An sinh sống và sống ly thân với anh Lê Thi H từ đó đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thi H.

Về con chung: Có 02 người con chung Lê Hoàng S, sinh ngày 11/4/2017 và Lê Hoàng L1, sinh ngày 11/4/2017. Theo đơn khởi kiện, khi ly hôn chị Nguyễn Thị L nhận quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con Lê Hoàng S đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Lê Thi H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con Lê Hoàng L1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng trong quá giải quyết, chị Nguyễn Thị L thay đổi yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con, vì hiện nay anh Lê Thi H đang chấp hành án tại trại giam N, không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con Lê Hoàng L1 được. Nên chị Nguyễn Thị L yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Lê Thi H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị Nguyễn Thị L làm lao động tự do, làm thuê, không làm công ty nên không có bảng lương. Thu nhập một tháng trung bình của chị khoảng 15.000.000 đồng-20.000.000 đồng. Đến khi nào anh Lê Thi H chấp hành án xong, có đủ điều kiện nuôi con thì anh Lê Thi H thay đổi quyền nuôi con như thế nào chị Nguyễn Thị L đồng ý, không có ý kiến gì. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2025 anh Lê Thi H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thi H kết hôn với chị Nguyễn Thị L vào năm 2017, trước khi kết hôn được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày nên đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay anh Lê Thi H đồng ý đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Có 02 người con chung Lê Hoàng S, sinh ngày 11/4/2017 và Lê Hoàng L1, sinh ngày 11/4/2017. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Lê Hoàng L1 cho đến tuổi trưởng thành. Còn Lê Hoàng S do mẹ cháu Nguyễn Thị L chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh Lê Thi H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án tiến hành lấy lời khai đại diện gia đình anh Lê Thi H là bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ anh Lê Thi H) cho biết chị Nguyễn Thị L và anh Lê Thi H kết hôn vào năm 2017, trước khi kết hôn được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thi thoảng có phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh Lê Thi H đang chấp hành án tại Trại giam N, tỉnh Hà Nam về tội Cố ý gây thương tích với thời hạn

02 năm tù. Nay chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Thị H, gia đình bà không có ý kiến gì. Đối với hai người con chung của anh chị, bà Nguyễn Thị M có ý kiến đối với cháu Lê Hoàng L1 đã sinh sống cùng ông bà, bố cháu từ nhỏ, được ông bà chăm sóc, đưa đón cháu đi học hàng ngày, gia đình có nguyện vọng được hỗ trợ anh H, chăm sóc cháu trong thời gian anh Lê Thị H đi chấp hành án. Còn đối với cháu Lê Hoàng S đã được mẹ cháu Nguyễn Thị L chăm sóc, giáo dục từ nhỏ và sinh sống cùng mẹ tại quê ngoại ở Nghệ An nên bà không có ý kiến gì. Về tài sản chung, nợ chung của anh chị là không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; các đương sự yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Thị H. Về con chung: Giao hai người con chung tên là Lê Hoàng S, sinh ngày 11/4/2017 và Lê Hoàng L1, sinh ngày 11/4/2017 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Lê Thị H, vì vậy quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Lê Thị H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại khối phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng

mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Thi H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Thi H là hợp pháp. Các đương sự trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm tới nhau, không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng cuối năm 2019, đầu năm 2020 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Thi H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự nên Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Thi H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung Lê Hoàng S, sinh ngày 11/4/2017 và Lê Hoàng L1, sinh ngày 11/4/2017. Tuy ban đầu hai vợ chồng đồng thuận mỗi người nuôi một người con, anh Lê Thi H nuôi con Lê Hoàng L1, chị Nguyễn Thị L nuôi con Lê Hoàng S. Nhưng do hiện nay anh Lê Thi H đang chấp hành án tại trại giam N, không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị Nguyễn Thị L cũng thay đổi yêu cầu được nuôi hai con đến tuổi trưởng thành, khi anh Lê Thi H chấp hành án xong và đủ điều kiện nuôi con thì chị Nguyễn Thị L vẫn đồng ý theo thỏa thuận ban đầu. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, Hội đồng xét xử giao hai con chung là Lê Hoàng S và Lê Hoàng L1 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Thi H được quyền đi lại thăm non con chung không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Lê Thi H cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận Chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003567 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Thi H.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên là Lê Hoàng S, sinh ngày 11/4/2017 và Lê Hoàng L1, sinh ngày 11/4/2017 cho chị Nguyễn Thị L được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Thi H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003567 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Khởi